

Số: 517 /QĐ-SYT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại Phòng khám chuyên khoa Thẩm mỹ - Hộ kinh doanh phòng khám chuyên khoa thẩm mỹ DR. Nguyễn Giáp do Bác sĩ Trần Nguyễn Giáp chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Y tế thành phố;

Căn cứ Quyết định số 3567/QĐ-SYT ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Sở Y tế về việc kiện toàn Hội đồng Chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế và Quyết định 5537/QĐ-SYT ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Sở Y tế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng chuyên môn kỹ thuật của Sở Y tế;

Theo đề nghị tại hồ sơ số 572100055 của Bác sĩ Trần Nguyễn Giáp ngày 29 tháng 01 năm 2021 về việc đề nghị phê duyệt danh mục kỹ thuật của Phòng khám chuyên khoa thẩm mỹ - Hộ kinh doanh phòng khám chuyên khoa thẩm mỹ Dr. Nguyễn Giáp do Bác sĩ Trần Nguyễn Giáp chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật;

Theo đề nghị của Tổ thẩm định Sở Y tế tại Biên bản thẩm định ngày 30 tháng 03 năm 2021 của Sở Y tế về cấp giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh đối với Phòng khám chuyên khoa thẩm mỹ - Hộ kinh doanh phòng khám chuyên khoa thẩm mỹ Dr. Nguyễn Giáp do Bác sĩ Trần Nguyễn Giáp chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật;

Theo đề nghị của Hội đồng chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế tại biên bản ngày 05 tháng 04 năm 2021 về việc thẩm định danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại Phòng khám chuyên khoa thẩm mỹ - Hộ kinh doanh phòng khám chuyên khoa thẩm mỹ Dr. Nguyễn Giáp do Bác sĩ Trần Nguyễn Giáp chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật;

*(Handwritten signature)*





Theo đề nghị của Phòng Nghiệp vụ Y – Sở Y tế.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ Y tế thực hiện tại Phòng khám chuyên khoa thẩm mỹ - Hộ kinh doanh phòng khám chuyên khoa thẩm mỹ Dr. Nguyễn Giáp do Bác sĩ Trần Nguyễn Giáp chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật tại địa chỉ 54 Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (theo danh mục đính kèm).

**Điều 2.** Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt là căn cứ pháp lý cho việc thực hiện kỹ thuật, chuyên tuyến, thanh toán chi phí khám, chữa bệnh và là cơ sở để đơn vị phân đấu phát triển chuyên môn kỹ thuật.

**Điều 3.** Bác sĩ Trần Nguyễn Giáp chịu trách nhiệm đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực có trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện danh mục kỹ thuật đã được phê duyệt theo đúng các quy định chuyên môn và quy trình kỹ thuật. Khi không đủ điều kiện thực hiện kỹ thuật đã được phê duyệt thì đơn vị phải chuyển người bệnh đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thích hợp để điều trị.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chức năng thuộc Sở, Chánh Thanh tra Sở, các tổ chức có liên quan và Bác sĩ Trần Nguyễn Giáp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*(Chữ ký)*

**Nơi nhận:**

- Như điều 5;
- Ban Giám đốc Sở;
- Công thông tin điện tử SYT;
- Phòng Y tế quận Phú Nhuận (để biết);
- Lưu: VT, NVY, (NQH)

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG NỘI DUNG QUYẾT ĐỊNH** Chi Thượng

Số chứng thực: **2.94.65**..... Quyền số: **01**

Ngày/tháng/năm: 29 -11- 2022

Văn Phòng Công Chứng **NGUYỄN THÀNH HÙNG** - Tp. Hồ Chí Minh

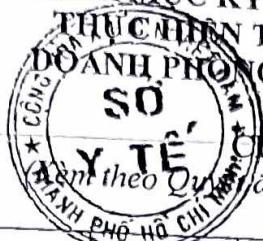
Công Chứng Viên



*Nguyễn Chi Huyền*



DANH MỤC KỸ THUẬT TRONG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN  
THỰC HIỆN TẠI PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA THẨM MỸ - HỘ KINH  
ĐỒ ANH PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA THẨM MỸ DR. NGUYỄN GIÁP DO  
BÁC SĨ TRẦN NGUYỄN GIÁP  
CHỊU TRÁCH NHIỆM CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT



định số: 517/QĐ-SYT ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Sở Y tế)

STT	TT 43/2013	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
1	2	3	4			
<b>I. HỒI SỨC CẤP CỨU</b>						
<b>B. CẤP CỨU</b>						
1.	53	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	x	x	x	x
2.	65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
3.	66	Đặt ống nội khí quản	x	x	x	
<b>XXVIII. TẠO HÌNH - THẨM MỸ</b>						
<b>A. DANH MỤC KỸ THUẬT TẠO HÌNH VÙNG ĐẦU - MẶT - CỔ</b>						
<b>1. Vùng xương sọ - da đầu</b>						
4.	1	Cắt lọc - khâu vết thương da đầu mang tóc	x	x	x	x
5.	2	Cắt lọc - khâu vết thương vùng trán	x	x	x	x
6.	9	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm	x	x	x	
<b>2. Vùng mi mắt</b>						
7.	33	Xử lý vết thương phần mềm nông vùng mi mắt	x	x	x	x
8.	34	Khâu da mi	x	x	x	
9.	36	Khâu cắt lọc vết thương mi	x	x	x	x
10.	44	Phẫu thuật treo mi lên cơ trán điều trị sụp mi	x	x		
11.	45	Phẫu thuật hạ mi trên	x	x		
12.	48	Phẫu thuật điều trị hờ mi	x	x		
13.	49	Ghép da mi hay vạt da điều trị lật mi dưới do sẹo	x	x		
14.	50	Khâu cơ kéo mi dưới để điều trị lật mi dưới	x	x		
15.	52	Phẫu thuật mở rộng khe mi	x	x		
16.	53	Phẫu thuật hẹp khe mi	x	x		
17.	55	Phẫu thuật điều trị trĩ mi dưới	x	x		
18.	57	Phẫu thuật tạo hình khuyết một phần mi mắt	x	x		
19.	63	Phẫu thuật cắt bỏ khối u da lành tính mi mắt (đường kính < 2cm)	x	x	x	
20.	65	Phẫu thuật ghép sụn mi mắt	x	x		
21.	66	Phẫu thuật ghép da tự thân vùng mi mắt	x	x	x	
22.	71	Đặt bản Silicon điều trị lõm mắt	x	x		

/



23.	79	Điều trị chứng co mi trên bằng botox	x	x		
		<b>3. Vùng mũi</b>				
24.	83	Khâu và cắt lọc vết thương vùng mũi	x	x	x	
25.	94	Phẫu thuật tạo hình cánh mũi bằng ghép phức hợp vành tai	x	x		
26.	97	Phẫu thuật tạo hình mũi sư tử	x	x		
27.	100	Phẫu thuật thu nhỏ đầu mũi	x	x		
28.	102	Phẫu thuật hạ thấp sống mũi (kỹ thuật mài xương)	x	x		
29.	103	Phẫu thuật tạo hình nâng xương chính mũi	x	x		
30.	106	Phẫu thuật chỉnh sụn cánh mũi	x	x		
31.	109	Phẫu thuật lấy sụn vách ngăn mũi làm vật liệu ghép tự thân	x	x		
		<b>4. Vùng môi</b>				
32.	110	Khâu vết thương vùng môi	x	x	x	
33.	111	Phẫu thuật tái tạo khuyết nhỏ do vết thương môi	x	x	x	
34.	112	Phẫu thuật tái tạo khuyết lớn do vết thương môi	x	x	x	
35.	125	Phẫu thuật tạo hình biến dạng môi trong sẹo khe hở môi một bên	x	x		
36.	131	Phẫu thuật tạo hình thiếu năng vòm hầu bằng tiêm chất làm đầy	x	x		
37.	133	Phẫu thuật tạo hình sẹo dính mép	x	x	x	
38.	134	Phẫu thuật tạo hình nhân trung	x	x	x	
		<b>5. Vùng tai</b>				
39.	136	Phẫu thuật khâu vết rách đơn giản vành tai	x	x	x	x
40.	137	Khâu cắt lọc vết thương vành tai	x	x	x	x
41.	138	Phẫu thuật ghép mảnh nhỏ vành tai đứt rời	x	x	x	
42.	140	Phẫu thuật bảo tồn sụn vành tai đứt rời	x	x	x	
43.	143	Phẫu thuật tạo hình khuyết ¼ vành tai bằng vật tại chỗ	x	x	x	
44.	148	Phẫu thuật tạo hình thu nhỏ vành tai	x	x	x	
45.	149	Phẫu thuật tạo hình vành tai cụp	x	x		
46.	150	Phẫu thuật tạo hình vành tai vùi	x	x		
47.	151	Phẫu thuật tạo hình cắt bỏ vành tai thừa	x	x	x	
48.	152	Phẫu thuật tạo hình lỗ tai ngoài	x	x		
49.	153	Phẫu thuật tạo hình dị dạng gờ luân	x	x	x	
50.	154	Phẫu thuật tạo hình dị dạng gờ bình	x	x	x	
51.	155	Phẫu thuật tạo hình dị dạng dải tai bằng vật tại chỗ	x	x	x	
52.	157	Phẫu thuật tạo hình sẹo lõm quá phát vành tai	x	x	x	
53.	158	Phẫu thuật cắt bỏ u sụn vành tai	x	x	x	
		<b>6. Vùng hàm mặt cổ</b>				
54.	161	Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng mặt cổ	x	x	x	x

*Handwritten signature or mark*



55.	162	Phẫu thuật vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức	x	x	x	x
56.	163	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản	x	x	x	x
57.	175	Điều trị gãy xương chính mũi bằng nắn chính	x	x	x	
58.	195	Phẫu thuật tạo hình thiếu sản bẩm sinh toàn bộ mặt bằng chất làm đầy	x	x	x	
59.	197	Phẫu thuật cắt u da mặt lành tính (đường kính < 3cm)	x	x	x	
60.	198	Phẫu thuật khâu đóng trực tiếp sẹo vùng cổ, mặt (dưới 3cm)	x	x	x	
61.	202	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vật da tại chỗ	x	x	x	
62.	213	Ghép da dày toàn bộ, diện tích dưới 10cm <sup>2</sup>	x	x	x	
63.	225	Cắt u phần mềm vùng cổ (đường kính < 3cm)	x	x	x	
64.	226	Cắt novi sắc tổ vùng hàm mặt (đường kính < 3cm)	x	x	x	
65.	238	Phẫu thuật lấy bỏ chất liệu ghép nhân tạo vùng đầu mặt	x	x		
66.	239	Phẫu thuật lát bỏ chất silicon lỏng vùng mặt cổ	x	x		
67.	240	Phẫu thuật lấy bỏ chất liệu độn vùng mặt cổ	x	x		
		<b>E. THẨM MỸ</b>				
68.	414	Phẫu thuật thu gọn môi dày	x	x	x	
69.	415	Phẫu thuật độn môi	x	x	x	
70.	416	Phẫu thuật điều trị cười hở lợi	x	x		
71.	417	Phẫu thuật sa trễ mi trên người già	x	x	x	
72.	418	Phẫu thuật thừa da mi trên	x	x	x	
73.	419	Phẫu thuật cắt da mi dưới cung mày	x	x	x	
74.	420	Phẫu thuật cắt da trán trên cung mày	x	x	x	
75.	421	Phẫu thuật tạo hình mắt hai mí	x	x	x	
76.	422	Phẫu thuật khâu tạo hình mắt hai mí	x	x	x	
77.	423	Phẫu thuật lấy bọng mỡ mi dưới	x	x	x	
78.	424	Phẫu thuật thừa da mi dưới	x	x	x	
79.	425	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ thẩm mỹ vùng mắt	x	x	x	
80.	426	Phẫu thuật treo cung mày trực tiếp	x	x	x	
81.	427	Phẫu thuật treo cung mày bằng chỉ	x	x	x	
82.	428	Phẫu thuật nâng, độn các vật liệu sinh học điều trị má hóp	x	x	x	
83.	429	Phẫu thuật nâng mũi bằng vật liệu đôn nhân tạo kết hợp sụn tự thân (không dùng sụn sườn)	x	x	x	
84.	430	Phẫu thuật nâng mũi bằng vật liệu đôn nhân tạo	x	x	x	
85.	431	Phẫu thuật nâng mũi bằng sụn tự thân (không dùng sụn sườn)	x	x	x	






86.	432	Phẫu thuật thu gọn cánh mũi (kỹ thuật mài xương)	x	x	x
87.	433	Phẫu thuật chỉnh hình mũi gò	x	x	x
88.	434	Phẫu thuật chỉnh hình mũi lệch	x	x	x
89.	435	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ nâng mũi	x	x	x
90.	436	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau chích chất làm đầy vùng mũi	x	x	x
91.	437	Phẫu thuật nâng gò má thẩm mỹ (bằng chất liệu nhân tạo)	x	x	x
92.	441	Phẫu thuật căng da mặt bán phần	x	x	x
93.	445	Phẫu thuật căng da trán	x	x	x
94.	446	Phẫu thuật căng da thái dương giữa mặt	x	x	x
95.	447	Phẫu thuật căng da trán thái dương	x	x	x
96.	449	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ căng da mặt	x	x	x
97.	451	Hút mỡ vùng cằm	x	x	x
98.	452	Hút mỡ vùng dưới hàm	x	x	x
99.	453	Hút mỡ vùng nếp mũi má, má	x	x	x
100.	465	Phẫu thuật cấy mỡ nâng mũi	x	x	x
101.	466	Phẫu thuật cấy mỡ làm đầy vùng mặt	x	x	x
102.	481	Phẫu thuật độn cằm	x	x	x
103.	482	Phẫu thuật chỉnh hình cằm bằng cấy mỡ	x	x	x
104.	483	Phẫu thuật chỉnh hình cằm bằng tiêm chất làm đầy	x	x	x
105.	484	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ chỉnh hình cằm	x	x	x
106.	491	Tiêm Botulium điều trị nếp nhăn	x	x	x
107.	492	Tiêm chất làm đầy xóa nếp nhăn	x	x	x
108.	493	Tiêm chất làm đầy nâng mũi	x	x	x
109.	494	Tiêm chất làm đầy độn mô	x	x	x

✓